TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – B phúc**

Bản án số:13/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 27 – 01 - 2023
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Ngày 27 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án Nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 588/2022/TLST - HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2022/QĐST - HNGĐ ngày 08/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124A/2022/QĐST – HNGĐ ngày 26/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1995 (vắng mặt – có đơn)
ĐKTT: số 423/PK, ấp Phú Khương, xã P K, huyện B T, tỉnh B T
Bị đơn: Anh Trà Thanh L, sinh năm 2000 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Nhơn Thuận, xã M N, huyện B T, tỉnh B T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B trình bày:

Chị và anh Trà Thanh L cưới nhau năm 2021 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã Mỹ Nhơn, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 18/3/2021. Sau khi cưới vợ chồng chị sống chung với gia đình chồng tại ấp Nhơn Thuận, xã Mỹ Nhơn. Vợ chồng chị không được hạnh phúc ngay từ lúc mới cưới cho đến nay. Nguyên Nhân là do anh L chơi bời lêu lỏng, cờ bạc, không lo

làm ăn xây dựng cuộc sống gia đình. Chị và mẹ chồng chị đã khuyên can anh L nhiều lần nhưng anh L vẫn không sửa đổi, vẫn chứng nào tật nấy. Chị và anh L nhiều lần cự cãi nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống. Chị và anh L đã ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh L, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh L nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Trà Thanh L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị B, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Trà Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh L vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh L.

Về nội dung:

[1] Về hôn Nhân: Chị B và anh L cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban Nhân dân xã Mỹ Nhơn, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 18/3/2021 nên là hôn nhân hợp pháp. Do đó, hôn nhân của chị B và anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai bên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hòa giải, hàn gắn được nên chị B yêu cầu ly hôn với anh L. Anh L biết việc chị B yêu cầu ly hôn với anh nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án Nhân dân huyện Ba Tri đã nhiều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ

chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với chị B. Điều đó thể hiện anh L đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị B và anh L là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị B với anh L là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[4] Nợ chung: chị B khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn Nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Ngọc B phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật Hôn Nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn Nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc B. Chị Nguyễn Ngọc B được ly hôn với anh Trà Thanh L.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4. Nợ chung: Chị B trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Ngọc B phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008959 ngày 29/9/2022

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn Nhân và gia đình sơ thẩm chị B đã nộp xong.

Chị Nguyễn Ngọc B, anh Trà Thanh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Mỹ Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu